BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN XUÂN LỘC - TỈNH ĐỒNG NAI

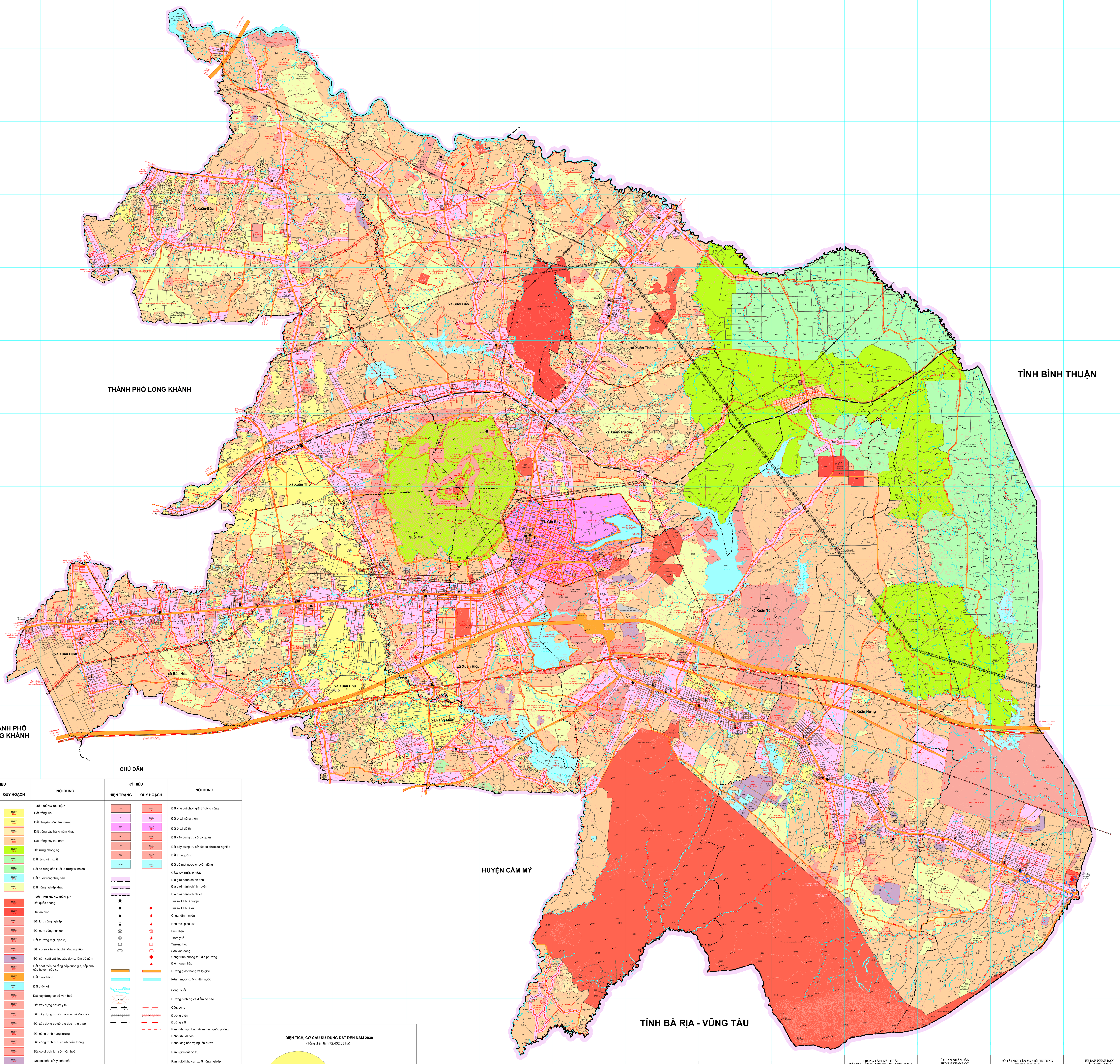

CHÚ DẪN

KÝ HIỆU – HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU – QUY HOẠCH	NỘI DUNG
		ĐẤT NÔNG NGHIỆP
LUA	Mã HT LUA	Đất trồng lúa
LUC	Mã HT LUC	Đất chuyên trồng lúa nước
HNK	Mã HT HNK	Đất trồng cây hàng năm khác
CLN	Mã HT CLN	Đất trồng cây lâu năm
RPH	Mã HT RPH	Đất rừng phòng hộ
RSX	Mã HT RSX	Đất rừng sản xuất
RSN	Mã HT RSN	Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên
NTS	Mã HT NTS	Đất nuôi trồng thủy sản
NKH	Mã HT NKH	Đất nông nghiệp khác
		ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
CQP	Mã HT CQP	Đất quốc phòng
CAN	Mã HT CAN	Đất an ninh
SKK	Mã HT SKK	Đất khu công nghiệp
SKN	Mã HT SKN	Đất cụm công nghiệp
TMD	Mã HT TMD	Đất thương mại, dịch vụ
SKC	Mã HT SKC	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
SKX	Mã HT SKX	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm
DHT	Mã HT DHT	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
DGT	Mã HT DGT	Đất giao thông
DTL	Mã HT DTL	Đất thủy lợi
DVH	Mã HT DVH	Đất xây dựng cơ sở văn hoá
DYT	Mã HT DYT	Đất xây dựng cơ sở y tế
DGD	Mã HT DGD	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo
DTT	Mã HT DTT	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao
DNL	Mã HT DNL	Đất công trình năng lượng
DBV	Mã HT DBV	Đất công trình bưu chính, viễn thông
DDT	Mã HT DDT	Đất có di tích lịch sử - văn hoá
DRA	Mã HT DRA	Đất bãi thải, xử lý chất thải
TON	Mã HT TON	Đất cơ sở tôn giáo
NTD	Mã HT NTD	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng
DKH	Mã HT DKH	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ
DXH	Mã HT DXH	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội
DCH	Mã HT DCH	Đất chợ
DSH	Mã HT DSH	Đất sinh hoạt cộng đồng

KÝ HIỆU – HIỆN TRẠNG	KÝ HIỆU – QUY HOẠCH	NỘI DUNG
DKV	Mã HT DKV	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng
ONT	Mã HT ONT	Đất ở tại nông thôn
ODT	Mã HT ODT	Đất ở tại đô thị
TSC	Mã HT TSC	Đất xây dựng trụ sở cơ quan
DTS	Mã HT DTS	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp
TIN	Mã HT TIN	Đất tín ngưỡng
MNC	Mã HT MNC	Đất có mặt nước chuyên dùng
		CÁC KÝ HIỆU KHÁC
		Địa giới hành chính tỉnh
		Địa giới hành chính huyện
		Địa giới hành chính xã
		Trụ sở UBND huyện
		Trụ sở UBND xã
		Chùa, đình, miếu
		Nhà thờ, giáo xứ
		Bưu điện
		Trạm y tế
		Trường học
		Sân vận động
		Công trình phòng thủ địa phương
		Điểm quan trắc
		Đường giao thông và lộ giới
		Kênh, mương, ống dẫn nước
		Sông, suối
80.8		Đường bình độ và điểm độ cao
		Cầu, cống
		Đường điện
		Đường sắt
		Ranh khu vực bảo vệ an ninh quốc phòng
		Ranh khu di tích
		Hành lang bảo vệ nguồn nước
		Ranh giới đất đô thị
		Ranh giới khu sản xuất nông nghiệp
		Ranh giới khu lâm nghiệp
		Ranh giới khu du lịch
		Ranh giới khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
		Ranh giới khu phát triển công nghiệp
		Ranh giới khu thương mại - dịch vụ
		Ranh giới khu dân cư nông thôn

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

(Tổng diện tích 72.432,03 ha)

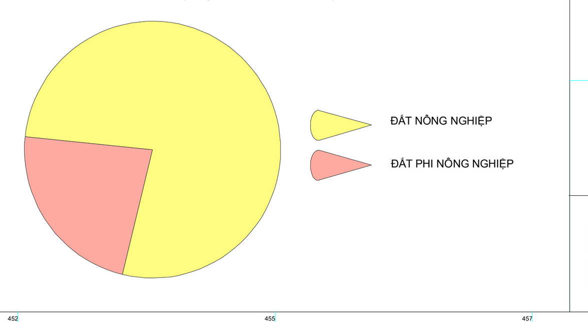

BẢN ĐỒ DỰ THẢO PHỤC VỤ LẤY Ý KIẾN NHÂN DÂN LẦN 3

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG ĐỒNG NAI	ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH ĐỒNG NAI	ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
Đồng Nai, ngày ....tháng ....năm	Xuân Lộc, ngày ....tháng ....năm	Đồng Nai, ngày ....tháng ....năm	Đồng Nai, ngày ....tháng ....năm ....
GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH	GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH

Bản đồ được thành lập bằng công nghệ bản đồ số, hệ VN-2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°

NGUỒN TÀI LIỆU CHÍNH:
- Bản đồ địa hình tỉ lệ 1:10 000 hệ VN-2000 do Bộ Tài nguyên và Môi trường cung cấp;
- Bản đồ địa giới hành chính theo dự án 513;
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Xuân Lộc;
- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Xuân Lộc.

TỶ LỆ 1: 25000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG

Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường Đồng Nai